

NGHỊ QUYẾT

Kế hoạch vốn đầu tư nguồn ngân sách Nhà nước năm 2018

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN HUYỆN TAM ĐƯỜNG
KHOÁ XX, KỲ HỌP THỨ 5**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước ngày 25/6/2015; Luật Đầu tư công ngày 18/6/2014;

Căn cứ Nghị quyết số 01/2017/NQ-HĐND ngày 21/7/2017 của HĐND huyện Tam Đường về kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016-2020 nguồn vốn ngân sách địa phương;

Căn Nghị quyết số 18/NQ-HĐND ngày 23/7/2016 của HĐND huyện Tam Đường về kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo quốc phòng - an ninh 5 năm giai đoạn 2016-2020;

Căn cứ Quyết định số 1574/QĐ-UBND ngày 08/12/2017 của UBND tỉnh Lai Châu về việc giao dự toán thu, chi ngân sách Nhà nước năm 2018,

Sau khi xem xét Báo cáo số 598/BC-UBND ngày 01/12/2017 của UBND huyện Tam Đường về kết quả thực hiện vốn đầu tư xây dựng cơ bản năm 2017 và ghi danh mục đầu tư xây dựng cơ bản năm 2018; Tờ trình số 1071/TTr-UBND ngày 01/12/2017 của UBND huyện dự thảo Nghị quyết về kế hoạch vốn đầu tư nguồn ngân sách Nhà nước năm 2018; Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - Xã hội HĐND huyện và ý kiến của các Đại biểu Hội đồng nhân dân huyện tại kỳ họp,

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thông qua kế hoạch vốn đầu tư từ nguồn ngân sách Nhà nước năm 2018, như sau:

1. Nguyên tắc phân bổ

1.1. Nguyên tắc chung

Căn cứ nhu cầu và khả năng cân đối nguồn vốn đầu tư công năm 2017, dự kiến kế hoạch đầu tư công trung hạn 5 năm giai đoạn 2016-2020, ưu tiên bố trí vốn cho các dự án theo nguyên tắc:

- Việc phân bổ vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách nhà nước phải đảm bảo góp phần phục vụ cho việc thực hiện các mục tiêu, định hướng phát triển theo quy hoạch tổng thể phát triển Kinh tế - Xã hội, Kế hoạch phát triển Kinh tế - Xã hội 5 năm và kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016-2020, kế

hoạch phát triển Kinh tế - Xã hội và kế hoạch vốn đầu tư nguồn ngân sách Nhà nước năm 2018 và các quy hoạch ngành, lĩnh vực đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

- Thực hiện theo các quy định của Luật Đầu tư công, Nghị quyết số 70/NQ-CP ngày 03/8/2017 của Chính phủ về những nhiệm vụ, giải pháp đẩy nhanh tiến độ thực hiện và giải ngân vốn đầu tư công; Chỉ thị số 29/CT-TTg ngày 05/7/2017 của Thủ tướng Chính phủ về xây dựng kế hoạch phát triển Kinh tế - Xã hội và dự toán nguồn ngân sách Nhà nước năm 2018. Việc phân bổ vốn phải tuân thủ Quyết định số 40/2015/QĐ-TTg ngày 14/9/2015, Nghị quyết số 139/2015/NQ-HĐND ngày 11/12/2015 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quy định về nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách Nhà nước giai đoạn 2016-2020.

- Danh mục dự án dự kiến bố trí kế hoạch năm 2018 phải thuộc danh mục dự án đã được Ủy ban nhân dân tỉnh giao kế hoạch trung hạn (bao gồm cả vốn TPCP) giai đoạn 2016-2020 và đến ngày 30/9/2017 giải ngân đạt từ 30% trở lên so với kế hoạch năm 2017 được giao.

- Thứ tự ưu tiên bố trí vốn

+ Bố trí vốn để thanh toán số nợ đọng xây dựng cơ bản giai đoạn 2018-2020 còn lại chưa thanh toán. Ưu tiên bố trí vốn thanh toán phần xây lắp và bố trí vốn thanh toán các công trình tạm ứng ngân sách Nhà nước.

+ Bố trí vốn đối ứng cho dự án sử dụng vốn ODA và vốn vay ưu đãi của các nhà tài trợ nước ngoài theo dự kiến kế hoạch trung hạn trình cấp có thẩm quyền phê duyệt.

+ Dự án chuyển tiếp hoàn thành trong năm 2018.

+ Dự án chuyển tiếp hoàn thành sau năm 2018 theo tiến độ được duyệt.

+ Sau khi bố trí đủ vốn cho các dự án nêu trên, nếu còn vốn mới xem xét bố trí cho các dự án khởi công mới được cấp có thẩm quyền phê duyệt chủ trương đầu tư và quyết định đầu tư dự án trước 31/10/2017.

+ Mức vốn kế hoạch năm 2018 của từng dự án không vượt quá tổng mức vốn kế hoạch đầu tư trung hạn giai đoạn 2018-2020 còn lại của từng dự án.

1.2. Nguyên tắc riêng: Đối với nguồn vốn ngân sách địa phương, ngoài các nguyên tắc chung nêu trên, còn phải tuân thủ các nguyên tắc sau:

- Bố trí cho lĩnh vực Giáo dục và Đào tạo đảm bảo không thấp hơn mức vốn tỉnh giao.

- Vốn thu sử dụng đất: Thực hiện theo Nghị quyết số 139/2015/NQ-HĐND ngày 11/12/2015 của HĐND tỉnh quy định nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư phát triển từ nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 2016-2020.

- Đối với dự án khởi công mới: Ưu tiên bố trí vốn thực hiện các Đề án, Nghị quyết của Ban Chấp hành đảng bộ tỉnh, huyện, Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Huyện ủy, Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh, huyện và các Chương trình, Kế hoạch đã

được cấp có thẩm quyền phê duyệt. Phải lựa chọn những dự án thật sự cấp thiết, giải quyết những vấn đề bức xúc của ngành, lĩnh vực và chương trình.

2. Phương án phân bổ

2.1. Nguồn vốn Ngân sách địa phương: 24.758 triệu đồng

a) Vốn xây dựng cơ bản tập trung: 18.458 triệu đồng.

b) Nguồn vốn thu sử dụng đất: 6.300 triệu đồng.

(Có biểu chi tiết số 01 kèm theo)

2.2. Nguồn vốn chương trình mục tiêu quốc gia: 23.800 triệu đồng.

a) Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới: 12.065 triệu đồng.

b) Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững: 11.735 triệu đồng. (Giao UBND huyện thống nhất với Thường trực HĐND huyện phân bổ chi tiết theo quyết định của UBND tỉnh).

(Có biểu chi tiết số 02, 03 kèm theo)

Điều 2. Hội đồng nhân dân huyện giao

1. Ủy ban nhân dân huyện chỉ đạo tổ chức triển khai thực hiện.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân huyện, các Ban Hội đồng nhân dân huyện và các Đại biểu Hội đồng nhân dân huyện giám sát việc triển khai thực hiện Nghị quyết.

Điều 3. Nghị quyết này có hiệu lực thi hành kể từ ngày thông qua.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân huyện khóa XX, kỳ họp thứ năm thông qua ngày 19/12/2017././.

Nơi nhận:

- TT HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- TT Huyện ủy;
- TT HĐND huyện;
- Chủ tịch, các Phó chủ tịch UBND huyện;
- Đại biểu HĐND huyện;
- Các cơ quan, ban, ngành, đoàn thể huyện;
- TT HĐND-UBND các xã, thị trấn;
- Lưu: VT.

**CHỦ TỊCH**
Sùng Lữ Páo

DỰ KIẾN DANH MỤC ĐẦU TƯ NGUỒN CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA GIẢM NGHÈO BỀN VỮNG NĂM 2018

(Kèm theo Nghị quyết số 10/NQ-HĐND ngày 19 tháng 12 năm 2017 của HĐND huyện Tam Đường)

Đơn vị tính: Triệu đồng

TT	Danh mục công trình, dự án	Địa điểm XD	Tổng mức đầu tư			Kế hoạch năm 2017 đã bố trí	Nhu cầu vốn còn lại	Dự kiến kế hoạch vốn năm 2018	Ghi chú	
			Tổng	NSTW	NSĐP					Nhân dân đóng góp
	TỔNG SỐ		26.052	23.385	2.000	667	600	200	11.735	
I	DỰ ÁN DỰ KIẾN HOÀN THÀNH NĂM 2018(Tiếp chi năm 2017)		1.040	800	-	240	600	200	200	
1	Đường nội đồng Coóc Pa	Xã Bản Giang	1.040	800		240	600	200	200	
II	DỰ ÁN KHỞI CÔNG MỚI NĂM 2018		25.012	22.585	2.000	427	-	-	11.535	Phân khai khi có quyết định của UBND tỉnh. UBND huyện thống nhất với Thường trực HĐND huyện
1	Đường giao thông nội đồng bản Cốc Phung - Nà Van xã Bản Bo (Giai đoạn I)	Xã Bản Bo	3.390	3.360		30				
2	Cấp nước sinh hoạt khu trung tâm xã Bản Hòn (Đông Pao 1, Đông Pao 2)	Xã Bản Hòn	2.714	2.694		20				
3	Thủy lợi bản Sin Câu (Giai đoạn I)	Xã Giang Ma	2.330	2.300		30				
4	Kiên cố nối tiếp kênh thủy lợi Khun Há 2, xã Khun Há	Xã Khun Há	1.960	1.935		25				
5	Nhà lớp học trường Mầm non trung tâm xã Nà Tăm	Xã Nà Tăm	6.803	4.778	2.000	25				

TT	Danh mục công trình, dự án	Địa điểm XD	Tổng mức đầu tư			Kế hoạch năm 2017 đã bố trí	Nhu cầu vốn còn lại	Dự kiến kế hoạch vốn năm 2018	Ghi chú
			Tổng	Trong đó					
				NSTW	NSDP				
6	Nâng cấp, sửa chữa nước sinh hoạt bản Si Miền Khan, xã Nùng Nàng	Xã Nùng Nàng	990	980	10				
7	Sửa chữa nước sinh hoạt tập trung bản Lùng Than Lao Chải, Lùng Than Trung Chải xã Tà Lèng	Xã Tà Lèng	1.778	1.763	15				
8	Thủy lợi bản Pan Khèo, xã Thèn Sin	Xã Thèn Sin	1.860	1.835	25				
9	Kênh thủy lợi bản Suối Thầu, xã Bản Giang (Giai đoạn I)	Xã Bản Giang	880	865	15				
10	Kênh thủy lợi bản Nà San	Xã Bình Lư	880	860	20				
11	Kiên cố hoá đường giao thông nội đồng bản Chu Va 12	Xã Sơn Bình	767	600	167				
12	Đường giao thông nội bản Trung Chả	Xã Sùng Phài	275	255	20				
13	Đường giao thông trục bản Suối Thầu	Xã Sùng Phài	385	360	25				

DỰ KIẾN DANH MỤC ĐẦU TƯ NGUỒN CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI NĂM 2018

(Kèm theo Nghị quyết số: 10/NQ-HĐND ngày 19 tháng 12 năm 2017 của HĐND huyện Tam Đường)

Đơn vị tính: Triệu đồng

TT	Danh mục công trình, dự án	Địa điểm XD	Tổng mức đầu tư			Kế hoạch năm 2017 đã bố trí	Nhu cầu vốn còn lại	Dự kiến kế hoạch vốn năm 2018	Ghi chú	
			Tổng	Trong đó						
				NSTW	NSDP					Nhân dân đóng góp
	TỔNG SỐ		25.897	21.904	-	3.993	7.386	4.813	12.065	
I	DỰ ÁN TIẾP CHI NĂM 2017		15.739	12.199	-	3.540	7.386	4.813	4.813	
1	Đường giao thông nội đồng bản Đông Pao 1, Đông Pao 2	Xã Bản Hôn	1.258	997		261	657	340	340	
2	Đường nội đồng bản Nậm Dê	Xã Sơn Bình	587	417		170	106	311	311	
3	Đường ra khu sản xuất liên bản Lở Thàng I, II và Sin Câu	Xã Thèn Sin	2.368	1.725		643	1.375	350	350	
4	Đường nội đồng bản Thèn Pá	Xã Tả Lèng	3.294	2.565		729	1.315	1.250	1.250	
5	Đường nội đồng bản Phìn Chải	Xã Giang Ma	2.453	2.000		453	1.290	710	710	
6	Đường giao thông nội đồng bản Sàng Phàng Thấp - Ma Sao Phìn	Xã Khun Há	3.310	2.600		710	1.540	1.060	1.060	
7	Đường nội đồng bản Nà Tăm - Nà Vàn	Xã Nà Tăm	2.468	1.895		573	1.103	792	792	
II	DỰ ÁN KHỞI CÔNG MỚI NĂM 2018		10.158	9.705	-	453	-	-	7.252	Phân khai khi có quyết định của UBND tỉnh, UBND huyện thống nhất với Thường trực HĐND huyện
1	Đường nội đồng bản Nà Phát	Xã Bình Lư	414	360		54				
2	Đường giao thông ngõ bản Nà Út	Xã Bản Bo	403	350		53				

TT	Danh mục công trình, dự án	Địa điểm XD	Tổng mức đầu tư			Kế hoạch năm 2017 đã bố trí	Nhu cầu vốn còn lại	Dự kiến kế hoạch vốn năm 2018	Ghi chú
			Tổng	Trong đó					
				NSTW	NSDP				
3	Sửa chữa, nâng cấp nhà văn hoá bản Chăn Nuôi	Xã Bản Hon	170	150	20				
4	Nhà chức năng trường THCS xã Nùng Nàng	Xã Nùng Nàng	6.930	6.900	30				
5	Đường Liên bản Sin Chải - Sùng Phài	Xã Sùng Phài	782	680	102				
6	Đường ra khu sản xuất bản Đông Phong - Lờ Thàng I, II	Xã Thèn Sin	332	285	47				
7	Nhà Văn hóa 2 bản Phìn Chải, Ngải Trù	Xã Giang Ma	345	300	45				
8	Nhà văn hóa bản Đội 4	Xã Hồ Thầu	391	340	51				
9	Nhà Văn Hóa bản Tà Chải	Xã Hồ Thầu	391	340	51				

DỰ KIẾN DANH MỤC ĐẦU TƯ NGUỒN NGÂN SÁCH HUYỆN NĂM 2018

(Kèm theo Nghị quyết số: 10 /NQ-HĐND ngày 19 tháng 12 năm 2017 của HĐND huyện Tam Đường)

Biểu 01

TT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư		Giá trị Quyết toán (hoặc dự toán sau đấu thầu)	Lũy kế vốn đã bố trí từ khởi công đến hết kế hoạch năm 2017	Nhu cầu còn lại	Đăng ký kế hoạch năm 2018	Ghi chú
		Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMBĐT					
TỔNG CỘNG			112.391	99.660	71.302	32.258	24.758	
I	NGUỒN XDCB TẬP TRUNG		74.827	66.328	41.186	25.142	18.458	
1	Xây dựng công trình san gạt mặt bằng bố trí dân cư khu giáp Công an huyện	1491-22/7/2011	4.723	4.178	3.725	453	453	Thu ứng 445,105 trđ
2	Hạ tầng kỹ thuật bố trí dân cư giáp công an huyện	2882A-21/12/2011	5.605	5.583	5.204	379	379	Thu ứng 196 trđ
3	Hạ tầng kỹ thuật di dân bản Hoa Di Hồ xã Bản Hòn	2732A-23/11/2011; 73-22/01/2013	5.194	4.847	3.535	1.312	1.312	Thu ứng 1.071,4 trđ
4	Chợ trung tâm huyện Tam Đường (giai đoạn II)	945-31/5/2012	4.900	4.845	3.332	1.513	1.513	Thu ứng 1.414 trđ
5	Thủy lợi Nậm Đích xã Khun Há	2019A-20/9/2012	4.000	3.692	2.678	1.014	1.014	Thu ứng 1.114 trđ
6	Chợ trung tâm giai đoạn III	2114-9/10/2012	4.920	4.770	2.215	2.555	2.175	Thu ứng 2.068 trđ
7	Các hạng mục phụ trợ xã Bản Bò	2543-21/12/2011	1.977	1.891	1.666	225	225	
8	Trại thực nghiệm gia cầm của Trung tâm dạy nghề	2105A-8/10/2012	4.800	4.319	2.358	1.961	1.861	
9	Trại giống thực nghiệm của trung tâm dạy nghề GD II	708-03/5/013	4.950	4.197	3.483	714	611	
10	Các hạng mục phụ trợ trụ sở khối dân	1012-11/6/2012	392	391	370	21	21	
11	Trạm y tế xã Khun Há	647A - 29/3/2012	2.978	2.962	2.750	212	212	

TT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư		Giá trị Quyết toán (hoặc dự toán sau đấu thầu)	Lũy kế vốn đã bố trí từ khởi công đến hết kế hoạch năm 2017	Nhu cầu còn lại	Đăng ký kế hoạch năm 2018	Ghi chú
		Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMDT					
12	Nhà lớp học 08 phòng trường THCS xã Sơn Bình	2157A-22/10/2013, 711A-3/5/2013	4.500	3.862	2.406	1.456	820	
13	Đền bù giải phóng mặt bằng dự án: Tạo quỹ đất khu trung tâm hành chính huyện Tam Đường giáp khu H2 để cấp cho cán bộ CNVC và LLVT	152 - 01/3/2011	450	450		450	450	Thu ứng 450 trđ
14	Nhà khám bệnh 2 tầng xã Thèn Sin	2159A-22/10/2012	3.400	3.080	2.889	191	191	
15	Đường giao thông nội đồng vùng chè tiểu vùng xã Bản Bo, Sơn Bình, Nà Tăm	150-31/10/2016	17.260	17.260	4.575	12.685	6.095	
	Các dự án khởi công mới năm 2018					-		
16	Nhà lớp học trường Mầm non trung tâm xã Nà Tăm (Lông ghép nguồn CT 135)		4.778			-	1.126	
III	NGUỒN THU SỬ DỤNG ĐẤT		37.563	33.333	30.116	7.116	6.300	
1	Sửa chữa NSH bản Chăn Nuôi xã Bản Hòn	431- 18/5/2015	445	352	319.79	32	32	
2	Nâng cấp, sửa chữa cầu treo Đội 4, xã Hồ Thầu	599- 10/6/2015	650	555	501.73	53	53	
3	Sửa chữa, nâng cấp đường giao thông bản Năm Dê, xã Sơn Bình, huyện Tam Đường	2999- 31/12/2013	1.270	1.025	931.46	94	94	
4	Sửa chữa, nâng cấp đường Tả Chải, xã Hồ Thầu	2930-30/12/2013	2.950	2.392	2.313.09	79	79	
5	Sửa chữa, nâng cấp tuyến đường liên bản Sàng Phàng Cao, Sin Chải, Lao Chải II xã Khun Há	342- 25/04/2015	3.114	2.563	2.464.22	99	99	
6	Kiên cố hóa kênh thủy lợi bản Nà Ly xã Bản Bo	337- 25/04/2015	2.400	1.951	1.874.50	77	77	
7	Dự án trồng và tiêu thụ dong riềng xã Thèn Sin, Bản Bo, Sơn Bình	2224- 15/12/2015	1.843	1.805	1.787.93	17	17	
8	Làm đường bê tông liên bản Chín Chu Chải, Sáy San II xã Nùng Nàng	336- 25/04/2015	3.000	2.448	2.355.1	93	93	

TT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư		Giá trị Quyết toán (hoặc dự toán sau đấu thầu)	Lũy kế vốn đã bỏ từ khi công đến hết kế hoạch năm 2017	Nhu cầu còn lại	Đăng ký kế hoạch năm 2018	Ghi chú
		Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMBĐT					
9	Nâng cấp và sửa chữa cầu treo Chu Va 12 xã Sơn Bình	2215- 14/12/2015	800	686	659.0	27	27	
10	Sửa chữa, nâng cấp đường liên bản Sin Chải, xã Sùng Phái	2220-15/12/2015	2.970	2.847	2.588.9	258	258	
11	Kiên cố hóa nương thùy lợi bản Sàng Phàng Thấp xã Khun Há	2214-14/12/2015	2.500	2.126	2.042.2	84	84	
12	Làm đập đầu mối, nương thùy lợi bản Coóc Pa, xã Bản Giang	2225- 15/12/2015	3.450	3.213	2.950.5	263	263	
13	Làm đập đầu mối, nương thùy lợi bản Chu Va 12, xã Sơn Bình	2218-15/12/2015	1.932	1.638	1.573.6	64	64	
14	Kiên cố hóa kênh nương thùy lợi bản Nà Sài, xã Bản Giang	2221- 15/12/2015	2.700	2.245	2.173.4	72	72	
15	Nhà chức năng trường tiểu học trung tâm xã Sùng Phái	2465 - 25/10/2013	4.940	4.940	3.200	1.740	65	
16	Nâng cấp cải tạo nhà sơ chỉ huy ban chỉ huy quân sự	2458A- 25/10/2013	2.600	2.547	2.381	166	75	
17	Trả ứng ngân sách tình chi phí giải phóng mặt bằng khu trung tâm thương mại					3.900	2.589	
18	KP thực hiện công tác đo đạc, lập cơ sở dữ liệu, hồ sơ địa chính và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quy hoạch sử dụng đất và công tác kiểm kê đất đai trên địa bàn						2.260	